TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vân Khanh;

Ông Nguyễn Văn Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1989; địa chỉ: Số E45 B, phường A, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Mai Phi H, sinh năm 1983; thường trú: Số 514/13B khu phố Đ, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Mai Phi H; thường trú: Số 514/13B khu phố Đ, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Phi H tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 471/2013, quyển số 03/2013 ngày 12/12/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh Mai Phi H có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài và bỏ đi từ năm 2017 cho đến nay.

Nay chị xác định hôn nhân của chị và anh H không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Mai Phi H .

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Mai Trần N Y, sinh ngày 23/9/2010. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Ý và không yêu cầu anh Mai Phi H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Mai Phi H :* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/7/2018 và ngày 16/8/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 11/9/2018 và ngày 28/9/2018 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Nvà cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2018, người làm chứng ông Mai Phi H trình bày: Ông là bố đẻ của anh Mai Phi H , là bố chồng của chị Trần Thị Kim N. Chị N và anh H chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đến năm 2010, thì vợ chồng chị Nsinh con chung là cháu Mai Trần N Y. Hai vợ chồng chung sống cùng gia đình ông từ lúc lấy nhau đến năm 2017, vợ chồng sống rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2017, thì anh H, chị N xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi nhau. Gia đình cũng đã cố gắng khuyên bảo nhưng không thành. Đến giữa năm 2017, thì chị Nvà con gái không sống chung cùng gia đình ông. Anh H làm tài xế đường dài nên thường xuyên vắng nhà, việc chị N khai anh H có người phụ nữ khác ở bên ngoài ông không biết. Nay đối với đơn yêu cầu ly hôn của chị N ông đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh H do Tòa án tiến hành ngày 26/7/2018, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Chị N và anh H trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị N không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, đại diện địa phương phản ánh phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Trần Thị Kim N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị với anh Mai Phi H có địa chỉ tại 514/13B khu phố Đ, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Mai Phi H tham gia phiên tòa vào các ngày 11/9/2018 và ngày 28/9/2018, anh H vắng mặt không có lý do, chị Trần Thị Kim N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 16/8/2018. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh H .

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N và anh Mai Phi H là vợ chồng có có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 471/2013, quyển số 03/2013 ngày 12/12/2013 tại UBND xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình tố tụng chị N khai rằng vợ chồng chị sống chung hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau và điều này cũng được bố ruột của anh H thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2018. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị N có phát sinh mâu thuẫn thực sự. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt nhưng anh H, chị N thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Khi chị N nộp đơn khởi kiện, Tòa án triệu tập anh H đến tiến hành hòa nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không tham gia tố tụng, chị N từ chối hòa giải không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, anh chị đã có thời gian ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau và

không còn cùng nhau chăm sóc con chung. Vì vậy, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nhi, anh H có 01 con chung tên Mai Trần N Y, sinh ngày 23/9/2010. Chị N có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét, quá trình tố tụng anh H vắng mặt, không có ý kiến gì việc nuôi con chung. Thời gian vợ chồng ly thân, chị N chuyển ra ngoài ở riêng thì việc nuôi dưỡng chăm sóc bé N Y cũng đều do chị trực tiếp thực hiện, anh H không phụ chị và cũng không quan tâm chăm sóc cháu N Y cùng chị. Tại bản tự khai ngày 16/7/2018 cháu N Y cũng có nguyện vọng ở với chị N. Như vậy, giao cháu N Y cho chị Ntrực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N Y. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yê u cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, quan điểm của đại diện Viện liểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Mai Phi H .

2.Về con chung: Giao con chung tên Mai Trần N Y, sinh ngày 23/9/2010 cho chị Trần Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Mai Phi H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị N và anh H đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị N phải tạo điều kiện cho anh H trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0019642 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND xã B, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Kim Hoa